



ISSN: 1859-1779

Nghiên cứu Y học

Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh;29(6):79-89

<https://doi.org/10.32895/hcjm.m.2026.06.10>



Hiệu quả của dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng đối với tự tin lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng

Liêu Ngọc Liên¹, Lê Ngọc Tuyết^{1*}, Huỳnh Thụy Phương Hồng¹, Chu Thị Loan¹

¹Trường Điều Dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Sự tự tin trong thực hành lâm sàng là yếu tố quan trọng giúp sinh viên Điều dưỡng (ĐD) vận dụng kiến thức vào chăm sóc người bệnh và phát triển năng lực nghề nghiệp. Các phương pháp giảng dạy tích cực như dạy học đảo chiều và học tập đồng đẳng được cho là có thể tăng cường sự tham gia của sinh viên và cải thiện năng lực lâm sàng.

Mục tiêu: Đánh giá sự thay đổi mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên ĐD sau khi áp dụng mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu can thiệp trước – sau được thực hiện trên 179 sinh viên ĐD năm thứ tư. Mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng được đánh giá bằng thang đo gồm 26 mục thuộc ba nhóm năng lực: đánh giá lâm sàng, giao tiếp và ra quyết định lâm sàng. Số liệu được phân tích bằng thống kê mô tả và kiểm định paired-samples t-test để so sánh sự khác biệt trước và sau can thiệp.

Kết quả: Sau can thiệp, tổng điểm tự tin của sinh viên tăng từ $58,65 \pm 11,11$ lên $72,68 \pm 10,68$ điểm ($p < 0,001$). Sự cải thiện được ghi nhận ở cả ba nhóm năng lực: đánh giá lâm sàng ($14,13 \pm 3,73$ so với $17,94 \pm 3,44$; $p < 0,001$), giao tiếp ($20,53 \pm 3,99$ so với $23,97 \pm 3,93$; $p < 0,001$) và ra quyết định lâm sàng ($23,99 \pm 5,46$ so với $30,77 \pm 5,05$; $p < 0,001$). Kích thước ảnh hưởng của can thiệp ở mức lớn đến rất lớn.

Kết luận: Mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng góp phần nâng cao đáng kể mức độ tự tin của sinh viên điều dưỡng trong thực hành lâm sàng. Việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực có thể là hướng tiếp cận hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng.

Từ khóa: dạy học đảo chiều; học tập đồng đẳng; tự tin lâm sàng; giáo dục

Abstract

EFFECT OF A FLIPPED CLASSROOM COMBINED WITH PEER LEARNING ON NURSING STUDENTS' CLINICAL CONFIDENCE

Lieu Ngoc Lien, Le Ngoc Tuyet, Huynh Thuy Phuong Hong, Chu Thi Loan

Ngày nhận bài: 25-03-2026 / Ngày chấp nhận đăng bài: 22-04-2026 / Ngày đăng bài: 28-04-2026

*Tác giả liên hệ: Lê Ngọc Tuyết. Trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. E-mail: ltuyet@ump.edu.vn

© 2026 Bản quyền thuộc về Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

Background: Clinical confidence is an essential component of nursing education, enabling students to apply theoretical knowledge in patient care and develop professional competencies. Active learning strategies such as the flipped classroom and peer learning have been increasingly adopted to enhance student engagement and improve clinical competence.

Objectives: This study aimed to evaluate the change in clinical confidence among nursing students after implementing a flipped classroom model combined with peer learning.

Methods: A pre-post interventional study was conducted among 179 fourth-year nursing students. Clinical confidence was assessed using a 26-item scale covering three self-competence domains: clinical assessment, communication, and clinical decision-making. Descriptive statistics and paired-samples t-tests were used to compare differences before and after the intervention.

Results: The overall mean confidence score significantly increased from 58.65 ± 11.11 before the intervention to 72.68 ± 10.68 after the intervention ($p < 0.001$). Significant improvements were observed across all three competency domains, including clinical assessment (14.13 ± 3.73 vs. 17.94 ± 3.44 ; $p < 0.001$), communication (20.53 ± 3.99 vs. 23.97 ± 3.93 ; $p < 0.001$), and clinical decision-making (23.99 ± 5.46 vs. 30.77 ± 5.05 ; $p < 0.001$). The effect sizes ranged from large to very large.

Conclusions: The flipped classroom combined with peer learning significantly improved nursing students' confidence in clinical practice. Integrating active learning strategies into nursing curricula may enhance clinical self-efficacy and better prepare students for professional practice.

Keywords: flipped classroom; peer learning; clinical competence; education

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong đào tạo điều dưỡng, việc phát triển năng lực thực hành lâm sàng cho sinh viên là mục tiêu quan trọng nhằm bảo đảm người học có khả năng cung cấp chăm sóc an toàn và hiệu quả cho người bệnh sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh kiến thức và kỹ năng chuyên môn, sự tự tin trong thực hành lâm sàng được xem là yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng ra quyết định, giao tiếp với người bệnh và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong môi trường lâm sàng. Một số nghiên cứu chứng minh các phương pháp giảng dạy tích cực, đặc biệt là dạy học đảo chiều góp phần cải thiện kết quả học tập và tăng cường sự tham gia của người học trong quá trình đào tạo điều dưỡng [1,2].

Dạy học đảo chiều là mô hình giảng dạy trong đó sinh viên tiếp cận nội dung lý thuyết trước khi đến lớp thông qua tài liệu học tập hoặc bài giảng trực tuyến, trong khi thời gian trên lớp được sử dụng cho các hoạt động thảo luận, phân tích tình huống và ứng dụng kiến thức. Nhiều nghiên cứu trong giáo dục y khoa và điều dưỡng phản ánh phương pháp này giúp cải thiện kết quả học tập, tăng cường tư duy và hỗ trợ phát

triển năng lực lâm sàng so với phương pháp giảng dạy truyền thống [3,4]. Bên cạnh đó, học tập đồng đẳng là phương pháp khuyến khích sinh viên học tập và hỗ trợ lẫn nhau thông qua thảo luận, phản hồi và giải quyết các tình huống lâm sàng. Các nghiên cứu tổng quan cho thấy học tập đồng đẳng làm tăng sự tham gia của người học, cải thiện kết quả học tập và góp phần nâng cao sự tự tin của sinh viên trong quá trình thực hành lâm sàng [5,6]. Ngoài ra, các phương pháp học tập tích cực như mô phỏng lâm sàng cũng được chứng minh có tác động tích cực đến sự phát triển năng lực thực hành và sự tự tin của sinh viên điều dưỡng [7,8].

Sự tự tin trong thực hành lâm sàng được xem là yếu tố quan trọng trong quá trình học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng cảm giác được hỗ trợ và hòa nhập trong môi trường học tập lâm sàng có thể ảnh hưởng đến khả năng học tập và sự phát triển năng lực của sinh viên [9]. Theo lý thuyết self-efficacy, niềm tin của cá nhân vào khả năng thực hiện một nhiệm vụ đóng vai trò quan trọng đối với hành vi và kết quả học tập [10].

Học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo điều dưỡng, giúp sinh viên nhận diện các dấu hiệu nguy kịch và

thực hiện các can thiệp điều dưỡng kịp thời. Tuy nhiên, nội dung học phần tương đối phức tạp và đòi hỏi sinh viên phải vận dụng kiến thức nhanh chóng trong các tình huống lâm sàng. Việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng có thể góp phần tăng cường sự tham gia của sinh viên và hỗ trợ phát triển sự tự tin trong thực hành lâm sàng.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu đánh giá hiệu quả của việc kết hợp hai phương pháp giảng dạy này đối với sự tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng sau khi áp dụng phương pháp dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng trong học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Điều dưỡng (SVDD) năm thứ tư Trường Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Nghiên cứu tiến hành tại Đại học Y Dược TP.HCM, từ tháng 01/2025 đến tháng 01/2026.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn

Sinh viên ĐD năm thứ tư tham gia học học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực.

Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

Sinh viên vắng mặt tại một trong hai thời điểm thu thập số liệu.

Sinh viên không hoàn thành đầy đủ bảng câu hỏi khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo dạng can thiệp giáo dục trước - sau trên cùng một nhóm sinh viên nhằm đánh giá sự thay đổi mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng sau khi áp dụng mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng.

2.2.2. Cỡ mẫu

Cỡ mẫu được ước tính dựa trên công thức so sánh hai giá trị trung bình ghép cặp (paired-samples t-test).

$$n = \left(\frac{(Z_{1-\alpha/2} + Z_{1-\beta}) \times \sigma_d}{\Delta} \right)^2$$

Tuy nhiên, do chưa tìm thấy nghiên cứu trước đó tại Việt Nam sử dụng cùng thang đo và cùng bối cảnh can thiệp để ước lượng độ lệch chuẩn của hiệu số và mức chênh lệch kỳ vọng, việc xác định chính xác cỡ mẫu tối thiểu gặp hạn chế. Do đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ, tuyển chọn toàn bộ SVDD năm thứ tư tham gia học học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực trong thời gian nghiên cứu. Tổng số sinh viên tham gia là 179, được xem là đủ lớn để đảm bảo độ tin cậy cho các phân tích thống kê.

Kỹ thuật chọn mẫu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, tuyển chọn toàn bộ SVDD năm thứ tư tham gia học học phần trong thời gian nghiên cứu và đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu.

2.2.3. Phương pháp thực hiện

Can thiệp giáo dục

Đây là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo mà sinh viên được tiếp cận với mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng. Trước đó, sinh viên chưa được triển khai phương pháp giảng dạy này trong các học phần khác. Can thiệp giáo dục được triển khai trong học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực dành cho SVDD năm thứ tư, dựa trên mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng. Can thiệp được triển khai xuyên suốt học phần trong thời gian 5 tuần. Trong mô hình này, sinh viên được cung cấp tài liệu học tập trước buổi học (bài giảng điện tử, video và tài liệu đọc) nhằm chuẩn bị kiến thức nền tảng trước khi tham gia các hoạt động học tập trực tiếp trên lớp.

Trong giờ học, sinh viên được tổ chức học theo nhóm nhỏ để thảo luận tình huống lâm sàng, thực hành kỹ năng và trao đổi phản hồi đồng đẳng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Giảng viên đóng vai trò điều phối, hỗ trợ thảo luận, chuẩn hóa nội dung chuyên môn và cung cấp phản hồi tổng kết sau mỗi hoạt động học tập.

Quy trình can thiệp được chuẩn hóa và áp dụng thống nhất cho toàn bộ sinh viên trong suốt học phần. So với phương pháp giảng dạy truyền thống trước đây chủ yếu dựa trên

thuyết giảng, mô hình này yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước, tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trên lớp và học tập thông qua tương tác đồng đẳng.

Công cụ thu thập số liệu thông qua bảng câu hỏi tự điền, gồm hai phần

- Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu.

Bao gồm các đặc điểm cơ bản của sinh viên như tuổi, giới tính, điểm trung bình tích lũy, yêu thích học lâm sàng, tham gia chủ động.

- Phần 2: Thang đo đánh giá sự tự tin trong thực hành lâm sàng.

Thang đo đánh giá sự tự tin trong thực hành lâm sàng được sử dụng là Nursing Student Self-Efficacy Scale (NSSES) do Stump GS và cộng sự phát triển nhằm đo lường niềm tin của sinh viên điều dưỡng vào khả năng chăm sóc người bệnh nặng. Thang đo gồm 26 mục, được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ (0–4) và bao gồm hai lĩnh vực chính là kỹ năng tâm vận động và kỹ năng giao tiếp. Chúng tôi sử dụng phiên bản tiếng Việt của Nursing Student Self-Efficacy Scale (NSSES), đã được dịch và kiểm định giá trị nội dung và độ tin cậy trong một nghiên cứu trước trên đối tượng SVYD tại Đại học Y Dược TP.HCM [12], với I-CVI từ 0,70–1,00, S-CVI/Ave đạt 0,99 và Cronbach's alpha đạt 0,92 [12]. Trong nghiên cứu này, các mục của thang đo được phân nhóm lại theo ba lĩnh vực năng lực lâm sàng (đánh giá lâm sàng, giao tiếp và ra quyết định lâm sàng) nhằm phù hợp với nội dung của học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực. Một phần dữ liệu liên quan đến đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu và kiểm định độ tin cậy của công cụ được kế thừa từ nghiên cứu trước của nhóm tác giả đã được thực hiện trên cùng quần thể sinh viên. Tuy nhiên, dữ liệu về biến kết cục (mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng) được thu thập độc lập cho nghiên cứu này thông qua hai thời điểm trước và sau can thiệp.

Việc thu thập số liệu được thực hiện hai lần

Lần 1 (pre-test): được thực hiện trước khi bắt đầu học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực, tại buổi học đầu tiên, trước khi triển khai bất kỳ hoạt động giảng dạy theo mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng.

Lần 2 (post-test): được thực hiện sau khi sinh viên hoàn thành học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực, tại thời điểm sinh viên đã được công bố kết quả học tập của học phần. Việc lựa chọn thời điểm này nhằm đảm bảo sinh viên đã hoàn tất toàn bộ quá trình học tập và đánh giá, từ

đó phản ánh đầy đủ hơn mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng sau can thiệp.

2.2.4. Biến số nghiên cứu

Biến độc lập: Mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng được triển khai trong học phần Chăm sóc người bệnh Cấp cứu và Hồi sức tích cực.

Biến kết cục: Mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên, được đo lường bằng tổng điểm và điểm theo ba lĩnh vực gồm năng lực đánh giá lâm sàng, năng lực giao tiếp và năng lực ra quyết định lâm sàng.

Biến mô tả: Bao gồm các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu như tuổi, giới tính, kết quả học tập (GPA), mức độ yêu thích học lâm sàng và mức độ tham gia học tập chủ động.

2.2.5. Xử lý và phân tích dữ liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 27.0. Các phương pháp thống kê được sử dụng gồm: thống kê mô tả với tần số, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn nhằm mô tả đặc điểm của đối tượng nghiên cứu và mức độ tự tin của sinh viên. So sánh trước – sau được thực hiện bằng kiểm định paired-samples t-test. Mức ý nghĩa thống kê được xác định với $p < 0,05$.

Trước khi thực hiện phân tích, giả định phân phối chuẩn của hiệu số (sau – trước) được đánh giá bằng kiểm định Shapiro–Wilk kết hợp với quan sát biểu đồ histogram và Q–Q plot. Kết quả cho thấy phân phối của hiệu số không sai lệch đáng kể so với phân phối chuẩn ($p > 0,05$), do đó việc sử dụng kiểm định paired-samples t-test là phù hợp.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của sinh viên tham gia nghiên cứu (n=179)

Đặc điểm		n	%
Giới tính	Nam	25	14
	Nữ	154	86
Độ tuổi (TB ± ĐLC)		22,16 ± 0,379	
	Xuất sắc	17	9,5
Kết quả học tập (GPA)	Giỏi	83	46,4
	Khá	74	41,3
	Trung bình	5	2,8

Mức độ yêu thích học lâm sàng	Có	166	92,7
	Không	13	7,3
Tham gia chủ động	Có	166	92,7
	Không	13	7,3

Tổng cộng có 179 SVDD tham gia nghiên cứu, trong đó nữ chiếm đa số (86%). Độ tuổi trung bình của sinh viên là 22,16 $\pm$ 0,38 tuổi. Về kết quả học tập, phần lớn sinh viên đạt loại khá và giỏi, lần lượt chiếm 41,3% và 46,4%, trong khi tỷ lệ sinh viên xuất sắc là 9,5% và trung bình là 2,8%. Đa số sinh viên có thái độ tích cực đối với học lâm sàng, với 92,7% cho biết yêu thích học lâm sàng và tỷ lệ tương tự tham gia học tập một cách chủ động.

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy khẳng định toàn bộ thang đo gồm 26 câu hỏi có độ tin cậy tốt ở cả hai thời điểm trước và sau can thiệp. Hệ số Cronbach's alpha của toàn bộ thang đo trước can thiệp đạt 0,888 và sau can thiệp đạt 0,883, phản ánh các mục hỏi trong thang đo có tính nhất quán nội tại cao. Đối với các tiểu thang đo, thang đo đánh giá lâm sàng gồm 7 câu hỏi có hệ số Cronbach's alpha đạt 0,696 trước can thiệp và 0,697 sau can thiệp, ghi nhận mức độ tin cậy chấp nhận được. Thang đo giao tiếp gồm 8 câu hỏi có Cronbach's alpha đạt 0,795 trước can thiệp và 0,649 sau can thiệp, thể hiện độ tin cậy ở mức chấp nhận được, nhưng thấp hơn so với các tiểu thang khác. Thang đo quyết định lâm sàng gồm 11 câu hỏi có độ tin cậy tốt với Cronbach's alpha đạt 0,800 trước can thiệp và 0,811 sau can thiệp. Nhìn chung, các thang đo và tiểu thang đo trong nghiên cứu đều đạt mức độ tin cậy từ chấp nhận được đến tốt, cho phép sử dụng trong các phân tích tiếp theo.

Bảng 2. Độ tin cậy thang đo

Thang đo	Số câu	Cronbach's alpha trước can thiệp	Cronbach's alpha sau can thiệp
Toàn bộ thang đo	26	0,888	0,883
Đánh giá lâm sàng	7	0,696	0,697
Giao tiếp	8	0,795	0,649
Quyết định lâm sàng	11	0,800	0,811

Cronbach's alpha $\geq$ 0,6 được xem là mức chấp nhận được đối với các thang đo [13]

3.2. Sự thay đổi mức độ tự tin sau can thiệp

Hình 1 cho thấy điểm trung bình năng lực đánh giá lâm sàng của sinh viên tăng ở tất cả các nội dung sau can thiệp. Trước can thiệp, điểm trung bình của các kỹ năng đánh giá

lâm sàng dao động từ 1,56 đến 2,72 điểm và tăng lên 2,08–3,09 điểm sau can thiệp, thể hiện sự cải thiện rõ rệt về năng lực đánh giá lâm sàng.

Cụ thể, trong nhóm kỹ năng đánh giá hệ tuần hoàn, điểm trung bình của nội dung đánh giá tuần hoàn ngoại vi tăng từ 2,72 lên 3,09 điểm và đánh giá tim mạch tăng từ 2,64 lên 3,07 điểm. Đối với các kỹ năng theo dõi và giám sát người bệnh, điểm trung bình của nội dung theo dõi huyết động tăng từ 1,99 lên 2,56 điểm và theo dõi catheter động mạch tăng từ 1,96 lên 2,61 điểm. Các kỹ năng thu thập và ghi nhận dữ liệu lâm sàng cũng được cải thiện, thể hiện qua sự gia tăng điểm trung bình của nội dung khai thác bệnh sử (2,30 lên 2,79 điểm) và ghi chép lâm sàng (2,42 lên 2,90 điểm).

Kỹ năng đánh giá hô hấp có điểm trung bình thấp nhất trước can thiệp (1,56 điểm) nhưng cũng tăng lên 2,08 điểm sau can thiệp. Nhìn chung, tất cả các nội dung đánh giá lâm sàng đều cải thiện sau can thiệp, phản ánh hiệu quả tích cực của phương pháp giảng dạy đối với năng lực đánh giá lâm sàng của SVDD.

Hình 2 cho thấy điểm trung bình năng lực giao tiếp của sinh viên tăng ở tất cả các nội dung sau can thiệp. Trước can thiệp, điểm trung bình các kỹ năng giao tiếp dao động từ 1,70 đến 3,28 điểm và tăng lên 2,32–3,46 điểm sau can thiệp, chỉ ra sự cải thiện rõ rệt về năng lực giao tiếp.

Cụ thể, kỹ năng giao tiếp với người bệnh tăng từ 2,30 lên 2,76 điểm và giao tiếp liên chuyên môn tăng từ 2,24 lên 2,81 điểm. Trong nhóm kỹ năng giao tiếp chuyên môn, điểm trung bình của nội dung giới thiệu chuyên nghiệp tăng từ 3,28 lên 3,46 điểm và giao tiếp trị liệu tăng từ 3,01 lên 3,36 điểm. Các kỹ năng liên quan đến giáo dục và chăm sóc người bệnh cũng cải thiện sau can thiệp, bao gồm giáo dục sức khỏe (2,38 lên 2,85 điểm), ghi chép điều dưỡng (2,60 lên 3,04 điểm), chăm sóc toàn diện (1,94 lên 2,62 điểm) và giao tiếp trong cấp cứu (1,70 lên 2,32 điểm). Nhìn chung, tất cả các nội dung thuộc nhóm năng lực giao tiếp đều cải thiện sau can thiệp; trong đó các kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp như giới thiệu chuyên nghiệp và giao tiếp trị liệu có điểm trung bình cao nhất, trong khi giao tiếp trong cấp cứu và chăm sóc toàn diện có mức cải thiện rõ rệt.

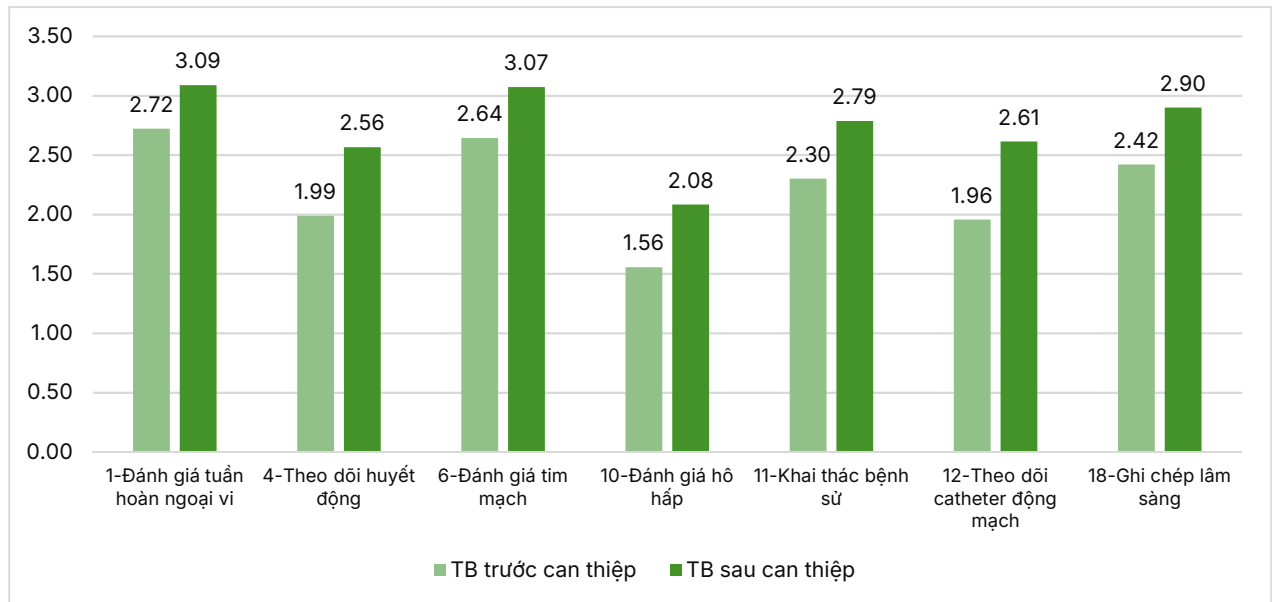
Đối với năng lực ra quyết định lâm sàng của sinh viên kết quả được trình bày trong Hình 3, cho thấy tăng ở tất cả các nội dung sau can thiệp. Trước can thiệp, điểm trung bình các kỹ năng dao động từ 1,56 đến 2,61 điểm và tăng lên 2,16–

3,23 điểm sau can thiệp, ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về năng lực ra quyết định lâm sàng. Các kỹ năng liên quan đến quản lý và theo dõi người bệnh đều cải thiện, trong đó quản lý catheter động mạch tăng từ 2,15 lên 2,73 điểm và quản lý đường thở tăng từ 2,61 lên 3,22 điểm. Các kỹ năng xử trí tình huống lâm sàng cũng tăng lên, bao gồm xử trí báo động máy thở (1,84 lên 2,55 điểm) và đọc điện tim (1,72 lên 2,35 điểm).

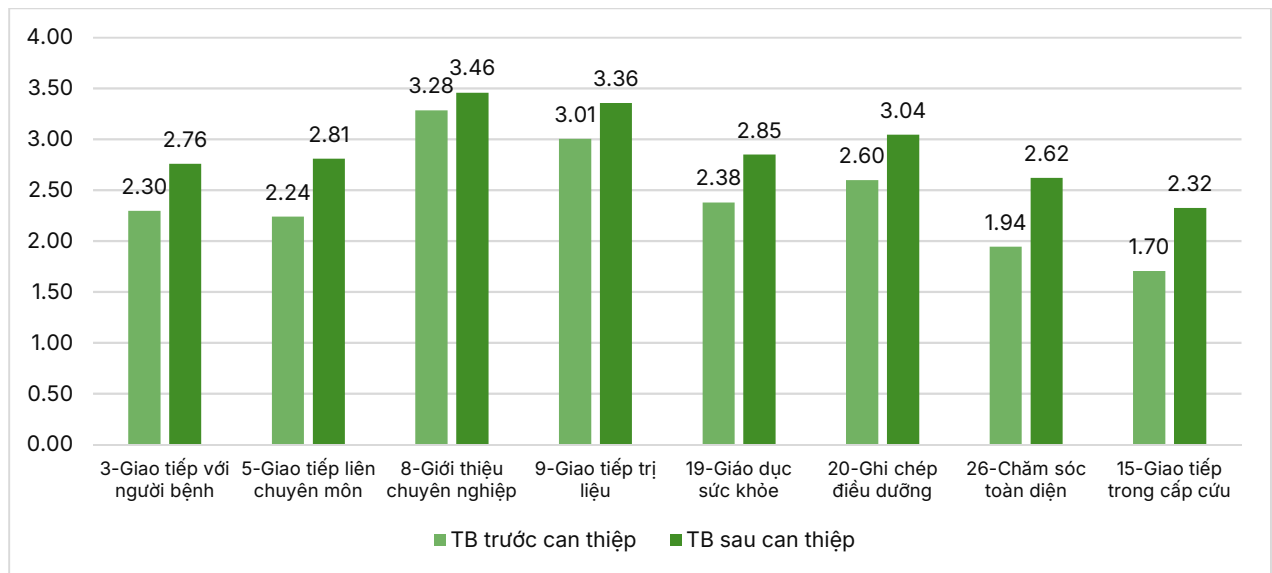
Đối với các kỹ năng can thiệp và chăm sóc chuyên sâu, điểm trung bình của truyền dịch tĩnh mạch tăng từ 2,46 lên 2,96 điểm, theo dõi truyền máu tăng từ 2,46 lên 2,89 điểm và chăm sóc đường truyền trung tâm tăng từ 2,28 lên 2,97 điểm.

Các kỹ năng thủ thuật và hỗ trợ điều trị như thủ thuật truyền máu (2,09 lên 2,68 điểm), hút đờm đường thở (2,55 lên 3,23 điểm) và quản lý thông khí cơ học (1,90 lên 2,60 điểm) cũng ghi nhận sự cải thiện.

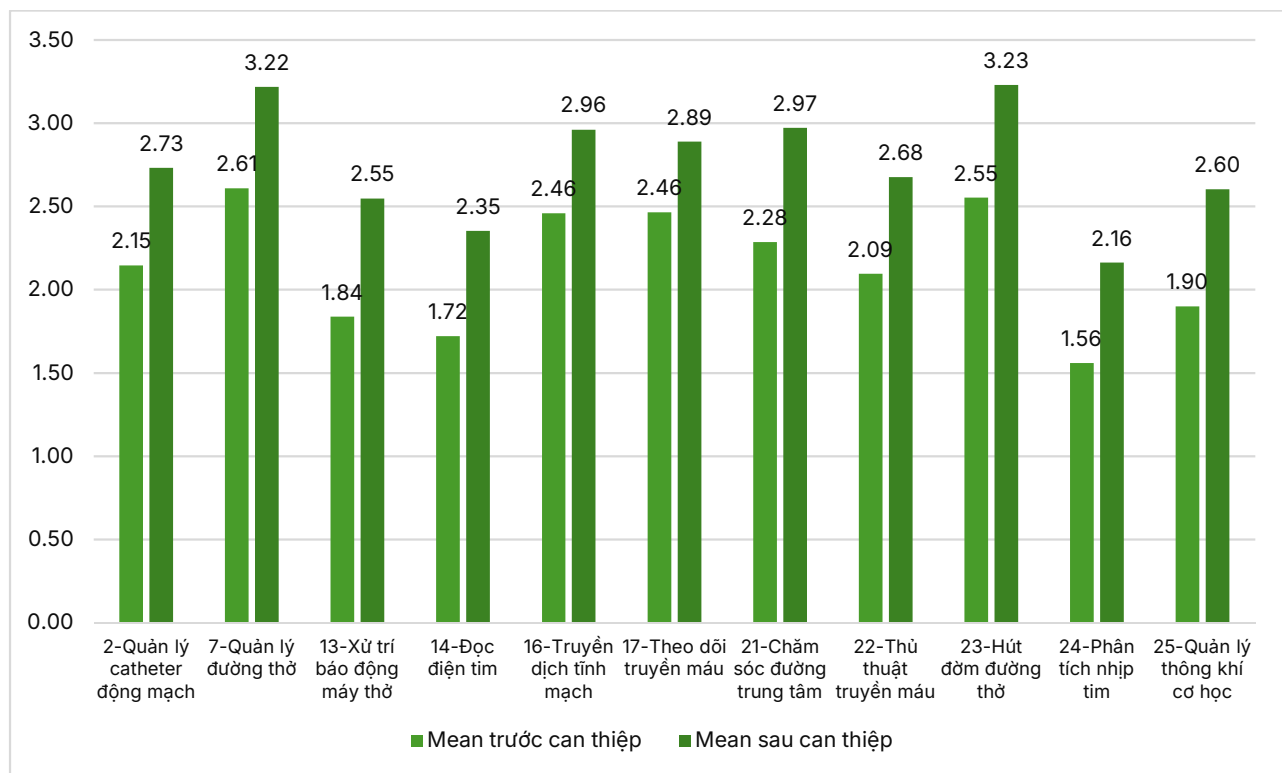
Nội dung phân tích nhịp tim có điểm trung bình thấp nhất trước can thiệp (1,56 điểm) nhưng tăng lên 2,16 điểm sau can thiệp. Nhìn chung, tất cả các kỹ năng thuộc nhóm năng lực ra quyết định lâm sàng đều cải thiện sau can thiệp, phản ánh hiệu quả tích cực của phương pháp giảng dạy đối với năng lực ra quyết định lâm sàng của SVDD.



Hình 1. So sánh Năng lực đánh giá lâm sàng



Hình 2. So sánh Năng lực giao tiếp



Hình 3. So sánh năng lực ra quyết định lâm sàng

Bảng 3. So sánh mức độ tự tin của sinh viên trước và sau can thiệp (n = 179)

Biến	Trước can thiệp (TB ± ĐLC)	Sau can thiệp (TB ± ĐLC)	Chênh lệch trung bình (Sau – Trước)	95% CI	t	p	Cohen's d
Tổng điểm tự tin	58,65 ± 11,11	72,68 ± 10,68	14,02	12,32 – 15,72	16,23	<0,001	1,21
Năng lực đánh giá lâm sàng	14,13 ± 3,73	17,94 ± 3,44	3,80	3,18 – 4,42	12,14	<0,001	0,91
Năng lực giao tiếp	20,53 ± 3,99	23,97 ± 3,93	3,44	2,73 – 4,15	9,56	<0,001	0,72
Năng lực ra quyết định lâm sàng	23,99 ± 5,46	30,77 ± 5,05	6,78	5,86 – 7,70	14,60	<0,001	1,09

Dữ liệu được trình bày dưới dạng trung bình ± độ lệch chuẩn (TB ± ĐLC); Giá trị p < 0,05 được xem là có ý nghĩa thống kê

So sánh sự khác biệt giữa trước và sau can thiệp được thực hiện bằng kiểm định paired-samples t-test

Khoảng tin cậy 95% (95% CI) được tính cho chênh lệch trung bình (Sau – Trước)

Kết quả ở Bảng 3 phản ánh mức độ tự tin lâm sàng của sinh viên tăng lên có ý nghĩa thống kê sau can thiệp. Tổng điểm tự tin tăng từ $58,65 \pm 11,11$ lên $72,68 \pm 10,68$ điểm, với chênh lệch trung bình 14,02 điểm (KTC 95%: 12,32–15,72; $p < 0,001$; $d = 1,21$).

Sự cải thiện được ghi nhận ở cả ba lĩnh vực năng lực. Năng lực đánh giá lâm sàng tăng 3,80 điểm (KTC 95%: 3,18–4,42; $p < 0,001$; $d = 0,91$), năng lực giao tiếp tăng 3,44 điểm (KTC 95%: 2,73–4,15; $p < 0,001$; $d = 0,72$), và năng lực ra quyết định lâm sàng tăng 6,78 điểm (KTC 95%: 5,86–7,70; $p < 0,001$; $d = 1,09$). Quan trọng hơn, tất cả các khoảng tin cậy 95% đều không bao gồm giá trị 0, khẳng định tính ổn định và

ý nghĩa thống kê của các kết quả. Nhìn chung, các phát hiện chỉ ra rằng mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng thể hiện sự cải thiện có ý nghĩa thống kê và nhất quán giữa các lĩnh vực năng lực.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tổng số 179 SVĐD năm thứ tư tham gia khảo sát với độ tuổi trung bình $22,16 \pm 0,38$ tuổi. Đây là giai đoạn sinh viên bước vào năm học cuối của chương trình

đào tạo điều dưỡng, khi người học bắt đầu tiếp cận nhiều hơn với các hoạt động thực hành lâm sàng chuyên sâu và phải vận dụng kiến thức lý thuyết vào các tình huống chăm sóc người bệnh trong môi trường lâm sàng. Do đó, việc phát triển năng lực thực hành và sự tự tin lâm sàng ở giai đoạn này được xem là yếu tố quan trọng giúp sinh viên chuẩn bị tốt cho vai trò nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên nữ chiếm tỷ lệ cao (86%), trong khi sinh viên nam chiếm 14%. Kết quả này phù hợp với đặc điểm chung của ngành điều dưỡng tại nhiều quốc gia, nơi lực lượng sinh viên điều dưỡng chủ yếu là nữ. Báo cáo về nguồn nhân lực điều dưỡng toàn cầu của Tổ chức Y tế Thế giới cũng ghi nhận điều dưỡng vẫn là ngành nghề có tỷ lệ nữ chiếm ưu thế trong hệ thống chăm sóc sức khỏe [11]. Cơ cấu giới tính này cũng thường được ghi nhận trong các nghiên cứu về giáo dục điều dưỡng và phản ánh đặc điểm lịch sử – xã hội của nghề điều dưỡng.

Về kết quả học tập, phần lớn sinh viên trong nghiên cứu có học lực khá và giỏi, chiếm hơn 80% tổng số sinh viên. Điều này phản ánh nhóm đối tượng nghiên cứu có nền tảng học tập tương đối tốt, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và tham gia vào các phương pháp học tập tích cực. Trong giáo dục điều dưỡng, các phương pháp giảng dạy tích cực như dạy học đảo chiều hoặc học tập hợp tác được cho là giúp sinh viên chủ động hơn trong quá trình học tập, từ đó cải thiện kết quả học tập và phát triển năng lực lâm sàng [1,2].

Ngoài ra, đa số sinh viên trong nghiên cứu cho biết có thái độ tích cực đối với việc học lâm sàng, với 92,7% sinh viên cho biết yêu thích học lâm sàng và cũng có tỷ lệ tương tự sinh viên cho biết tham gia học tập một cách chủ động. Thái độ tích cực đối với môi trường học tập lâm sàng được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình học tập của SVDD. Một số nghiên cứu chứng minh cảm giác được hòa nhập và tham gia tích cực trong môi trường học tập lâm sàng có thể giúp sinh viên nâng cao sự tự tin và phát triển năng lực chuyên môn tốt hơn [9].

Nhìn chung, đặc điểm của mẫu nghiên cứu cho thấy nhóm sinh viên tham gia có nền tảng học tập tương đối tốt, có thái độ tích cực đối với việc học lâm sàng và đã có mức độ tiếp cận nhất định với các phương pháp học tập tích cực. Những yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các mô hình giảng dạy đổi mới như dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng trong đào tạo điều dưỡng.

4.2. Hiệu quả của can thiệp đối với sự tự tin lâm sàng

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên tăng lên rõ rệt sau khi áp dụng mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng. Tổng điểm tự tin trung bình của sinh viên tăng từ $58,65 \pm 11,11$ điểm trước can thiệp lên $72,68 \pm 10,68$ điểm sau can thiệp, với mức chênh lệch trung bình 14,02 điểm và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Kích thước ảnh hưởng của can thiệp đạt mức rất lớn (Cohen's $d = 1,21$), chỉ ra rằng mô hình giảng dạy này có tác động đáng kể đến sự phát triển sự tự tin trong thực hành lâm sàng của SVDD.

Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây về hiệu quả của dạy học đảo chiều trong giáo dục điều dưỡng. Barranquero-Herbosa B cho thấy mô hình lớp học đảo chiều cải thiện đáng kể kết quả học tập và tăng cường sự tham gia của sinh viên điều dưỡng so với phương pháp giảng dạy truyền thống [1]. Tương tự, Park I và Suh Y trong một phân tích gộp cũng ghi nhận rằng dạy học đảo chiều giúp nâng cao sự tham gia của người học, cải thiện khả năng hiểu bài và tăng cường sự tự tin của sinh viên trong quá trình học tập [2]. Ngoài ra, các tổng quan trong giáo dục y khoa cũng ghi nhận việc sử dụng lớp học đảo chiều giúp sinh viên chuẩn bị bài tốt hơn trước giờ học, đồng thời dành nhiều thời gian trên lớp cho các hoạt động thảo luận và giải quyết vấn đề, từ đó hỗ trợ phát triển tư duy lâm sàng [3,4].

Bên cạnh đó, việc kết hợp học tập đồng đẳng trong quá trình triển khai can thiệp có thể góp phần tăng cường sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các sinh viên. Tại JH phản ánh học tập đồng đẳng giúp sinh viên trao đổi kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm học tập và phát triển kỹ năng giao tiếp cũng như kỹ năng hợp tác trong môi trường chăm sóc sức khỏe [5]. Tương tự, Stone R trong một tổng quan hệ thống về giáo dục điều dưỡng cũng nhận định rằng học tập đồng đẳng liên quan đến cải thiện kết quả học tập và góp phần nâng cao sự tự tin của sinh viên thông qua các hoạt động thảo luận và phản hồi giữa người học [6].

Xét theo từng lĩnh vực năng lực, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng cả ba nhóm năng lực gồm năng lực đánh giá lâm sàng, năng lực giao tiếp và năng lực ra quyết định lâm sàng đều cải thiện có ý nghĩa thống kê sau can thiệp. Trong đó, năng lực ra quyết định lâm sàng ghi nhận mức cải thiện cao nhất. Điều này có thể được giải thích bởi đặc điểm của mô hình lớp học

đào chiều, trong đó thời gian trên lớp được dành cho các hoạt động phân tích tình huống lâm sàng và giải quyết vấn đề. Các hoạt động học tập mang tính ứng dụng như thảo luận tình huống hoặc mô phỏng lâm sàng được cho là giúp sinh viên phát triển tư duy lâm sàng và khả năng ra quyết định trong chăm sóc người bệnh [7].

Đối với năng lực đánh giá lâm sàng, điểm trung bình của các kỹ năng đánh giá cũng tăng lên sau can thiệp, phản ánh sự cải thiện về khả năng thu thập và phân tích thông tin lâm sàng của sinh viên. Tuy nhiên, một số kỹ năng như đánh giá hô hấp hoặc theo dõi catheter động mạch vẫn có điểm trung bình thấp hơn so với các kỹ năng khác mặc dù đã cải thiện sau can thiệp. Điều này có thể liên quan đến việc các kỹ thuật này thường được thực hiện trong môi trường hồi sức tích cực và sinh viên có ít cơ hội tiếp xúc trực tiếp trong quá trình học tập lâm sàng. Các tài liệu trong giáo dục điều dưỡng khẳng định những kỹ năng chăm sóc chuyên sâu thường cần được củng cố thông qua các hoạt động mô phỏng lâm sàng hoặc thực hành lặp lại nhiều lần để sinh viên có thể phát triển sự tự tin khi thực hiện [7,8].

Trong nhóm năng lực giao tiếp, kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận sự cải thiện ở tất cả các nội dung sau can thiệp. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh cấp cứu có điểm trung bình thấp hơn so với các kỹ năng giao tiếp thông thường. Điều này có thể phản ánh đặc thù của môi trường cấp cứu, nơi các quyết định cần được đưa ra nhanh chóng và giao tiếp thường diễn ra trong điều kiện áp lực cao. Một số nghiên cứu cho thấy SVDD thường cảm thấy ít tự tin hơn khi giao tiếp trong các tình huống khẩn cấp do thiếu kinh nghiệm lâm sàng và áp lực tâm lý khi tham gia chăm sóc người bệnh nặng [5,9].

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu ghi nhận việc kết hợp dạy học đào chiều với học tập đồng đẳng đã tạo ra môi trường học tập tích cực, trong đó sinh viên có cơ hội trao đổi, thảo luận và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình giải quyết các tình huống lâm sàng. Các hoạt động học tập mang tính tương tác này không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức mà còn góp phần nâng cao sự tự tin khi thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc người bệnh. Điều này cũng phù hợp với lý thuyết self-efficacy của Bandura A, trong đó niềm tin của cá nhân vào khả năng thực hiện một nhiệm vụ được củng cố thông qua trải nghiệm học tập tích cực và sự hỗ trợ từ môi trường học tập [10].

4.3. Ý nghĩa giáo dục của mô hình dạy học đào

chiều và học tập đồng đẳng

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng mô hình dạy học đào chiều kết hợp học tập đồng đẳng có thể góp phần cải thiện mức độ tự tin của sinh viên trong thực hành lâm sàng. Điều này nhấn mạnh vai trò của các phương pháp giảng dạy tích cực trong đào tạo điều dưỡng, đặc biệt đối với các học phần có tính ứng dụng cao như cấp cứu và hồi sức tích cực.

Trong mô hình lớp học đào chiều, sinh viên tiếp cận nội dung lý thuyết trước khi đến lớp thông qua tài liệu học tập hoặc bài giảng trực tuyến, trong khi thời gian trên lớp được sử dụng cho các hoạt động thảo luận, phân tích tình huống lâm sàng và giải quyết vấn đề. Cách tiếp cận này giúp chuyển trọng tâm học tập từ tiếp nhận kiến thức thụ động sang vận dụng kiến thức trong các tình huống thực tế. Nhiều nghiên cứu trong giáo dục điều dưỡng khẳng định mô hình lớp học đào chiều giúp phát triển tư duy lâm sàng, cải thiện kết quả học tập và tăng cường sự tham gia của sinh viên [1,3].

Bên cạnh đó, học tập đồng đẳng tạo ra môi trường học tập hợp tác, trong đó sinh viên hỗ trợ và học hỏi lẫn nhau thông qua thảo luận và phản hồi. Các nghiên cứu trong giáo dục y khoa phản ánh phương pháp này giúp tăng cường sự tương tác giữa người học, cải thiện khả năng giao tiếp và phát triển kỹ năng làm việc nhóm – những năng lực quan trọng trong thực hành điều dưỡng [5,6]. Việc tham gia vào các hoạt động học tập cùng bạn học cũng giúp sinh viên cảm thấy thoải mái hơn khi trao đổi ý kiến, từ đó góp phần nâng cao sự tự tin trong học tập và thực hành lâm sàng.

Việc kết hợp dạy học đào chiều và học tập đồng đẳng cũng phù hợp với xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy trong giáo dục y khoa hiện nay, trong đó người học được đặt ở vị trí trung tâm của quá trình đào tạo. Các hoạt động học tập mang tính tương tác và giải quyết vấn đề giúp sinh viên phát triển tư duy phân biện, khả năng ra quyết định và kỹ năng giao tiếp trong thực hành lâm sàng.

Nhìn chung, việc tích hợp mô hình dạy học đào chiều kết hợp học tập đồng đẳng trong chương trình đào tạo điều dưỡng giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời hỗ trợ sinh viên nâng cao sự tự tin và chuẩn bị tốt hơn cho thực hành lâm sàng cũng như công việc nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này có một số hạn chế cần được xem xét.

Thứ nhất, thiết kế trước-sau trên cùng một nhóm đối tượng và không có nhóm đối chứng nên chưa thể loại trừ hoàn toàn ảnh hưởng của các yếu tố khác trong quá trình học tập.

Thứ hai, nghiên cứu được thực hiện tại một cơ sở đào tạo duy nhất với sinh viên điều dưỡng năm thứ tư, do đó khả năng khái quát hóa kết quả cho các bối cảnh đào tạo khác còn hạn chế. Thứ ba, dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi tự báo cáo nên có thể chịu ảnh hưởng của sai lệch chủ quan.

Cuối cùng, nghiên cứu chỉ đánh giá sự thay đổi mức độ tự tin trong thời gian ngắn sau học phần nên chưa xác định được tác động lâu dài của can thiệp. Mặc dù vậy, nghiên cứu vẫn cung cấp bằng chứng ban đầu về hiệu quả của mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng trong việc nâng cao sự tự tin lâm sàng của SVDD.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 179 SVDD nhằm đánh giá hiệu quả của mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng đối với mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng. Kết quả khẳng định mức độ tự tin của sinh viên tăng lên sau khi áp dụng phương pháp can thiệp, với tổng điểm tự tin trung bình tăng có ý nghĩa thống kê so với trước can thiệp ($p < 0,001$).

Sự cải thiện được ghi nhận ở cả ba nhóm năng lực, bao gồm năng lực đánh giá lâm sàng, năng lực giao tiếp và năng lực ra quyết định lâm sàng. Trong đó, năng lực ra quyết định lâm sàng có mức cải thiện lớn nhất, phản ánh vai trò của các hoạt động học tập tích cực như phân tích tình huống và thảo luận nhóm trong việc phát triển tư duy lâm sàng của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc áp dụng mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng có thể góp phần nâng cao sự tự tin của sinh viên điều dưỡng trong thực hành lâm sàng, đồng thời hỗ trợ phát triển các năng lực chuyên môn cần thiết cho thực hành nghề nghiệp.

6. KIẾN NGHỊ

Thứ nhất, các chương trình đào tạo điều dưỡng nên xem xét tích hợp mô hình dạy học đảo chiều kết hợp học tập đồng đẳng vào các học phần có thời lượng thực hành cao nhằm tăng cường sự tham gia chủ động của sinh viên và hỗ trợ phát triển

năng lực lâm sàng.

Thứ hai, giảng viên cần thiết kế các hoạt động học tập mang tính tương tác như thảo luận tình huống, học tập nhóm và phản hồi đồng đẳng để tạo môi trường học tập tích cực, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tư duy lâm sàng và ra quyết định trong chăm sóc người bệnh.

Thứ ba, các nghiên cứu trong tương lai nên được thực hiện với thiết kế tại nhiều cơ sở đào tạo khác nhau nhằm đánh giá toàn diện hơn hiệu quả của mô hình dạy học này trong đào tạo điều dưỡng.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện và hỗ trợ chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu này.

Nguồn tài trợ

Nghiên cứu nhận được kinh phí tài trợ từ Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 57/2024 HĐ-ĐHYD.

Xung đột lợi ích

Không có xung đột lợi ích tiềm ẩn nào liên quan đến bài viết này được báo cáo.

ORCID

Liêu Ngọc Liên

<https://orcid.org/0009-0000-4409-5273>

Lê Ngọc Tuyết

<https://orcid.org/0009-0009-9379-5810>

Huỳnh Thụy Phương Hồng

<https://orcid.org/0000-0001-7664-7669>

Chu Thị Loan

<https://orcid.org/0000-0002-8299-5165>

Đóng góp của các tác giả

Ý tưởng nghiên cứu: Liêu Ngọc Liên, Lê Ngọc Tuyết, Huỳnh Thụy Phương Hồng, Chu Thị Loan

Đề cương và phương pháp nghiên cứu: Liêu Ngọc Liên, Lê Ngọc Tuyết

Thu thập dữ liệu: Liêu Ngọc Liên

Giám sát nghiên cứu: Liêu Ngọc Liên, Lê Ngọc Tuyết, Huỳnh Thụy Phương Hồng, Chu Thị Loan

Nhập dữ liệu: Liêu Ngọc Liên, Lê Ngọc Tuyết

Quản lý dữ liệu: Liêu Ngọc Liên, Lê Ngọc Tuyết

Phân tích dữ liệu: Lê Ngọc Tuyết

Viết bản thảo đầu tiên: Lê Ngọc Tuyết

Góp ý bản thảo và đồng ý cho đăng bài: Liêu Ngọc Liên, Lê Ngọc Tuyết, Huỳnh Thuỵ Phương Hồng, Chu Thị Loan

Cung cấp dữ liệu và thông tin nghiên cứu

Tác giả liên hệ sẽ cung cấp dữ liệu nếu có yêu cầu từ Ban biên tập.

Chấp thuận của Hội đồng Đạo đức

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 3759/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 17/09/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barranquero-Herbosa B, Abajas-Bustillo R, Ortego-Mate MC. Effectiveness of flipped classroom in nursing education: A systematic review and meta-analysis. *Nurse Educ Today*. 2022;109:105227.
2. Park I, Suh Y. The effects of flipped learning on nursing students: A meta-analysis. *Int J Environ Res Public Health*. 2021;18(23):12814.
3. Chen F, Lui AM, Martinelli SM. A systematic review of the effectiveness of flipped classrooms in medical education. *Med Educ*. 2017;51(6):585-97.
4. Betihavas V, Bridgman H, Kornhaber R, Cross M. The evidence for “flipping out”: A systematic review of the flipped classroom in nursing education. *Nurse Educ Today*. 2016;38:15-21.
5. Tai JH, Molloy E, Haines T, Canny B. Peer learning in health professions education: A systematic review. *Adv Health Sci Educ Theory Pract*. 2016;21(4):829-47.
6. Stone R, Cooper S, Cant R. The value of peer learning in undergraduate nursing education: A systematic review. *ISRN Nurs*. 2013;2013:930901.
7. Cant RP, Cooper SJ. Simulation-based learning in nurse education: Systematic review. *J Adv Nurs*. 2017;66(1):3-15.
8. Oermann MH, Gaberson KB. Evaluation and testing in nursing education. 5th ed. New York: Springer Publishing Company. 2017.
9. Levett-Jones T, Lathlean J. Belongingness: A prerequisite for nursing students’ clinical learning. *Nurse Educ Pract*. 2008;8(2):103-11.
10. Bandura A. Self-efficacy: Toward a unifying theory of behavioral change. *Psychol Rev*. 1977;84(2):191-215.
11. World Health Organization. State of the world's nursing 2020: investing in education, jobs and leadership. Geneva: WHO. 2020.
12. Lê Ngọc Tuyết, Nguyễn Phùng Bảo Minh. Năng lực chăm sóc người bệnh hồi sức tích cực của sinh viên Điều dưỡng Đại học Y Dược TP.HCM và các yếu tố liên quan. *Y học TP.HCM*. 2025. doi:10.32895/hcjm.m.2025.01.16.
13. Hair JF, Black WC, Babin BJ, Anderson RE. Multivariate data analysis. 8th ed. Boston: Cengage Learning. 2019.